CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HSX: DBC)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	34,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.0%	**22.0%**	**50.3%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,528 - 31,659
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,228
Số lượng CPLH (CP)	242,001,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,469,880
Sở hữu nước ngoài	11.9%
Beta	1.60
EPS	979
P/E	34.7

Tỷ suất lợi nhuận

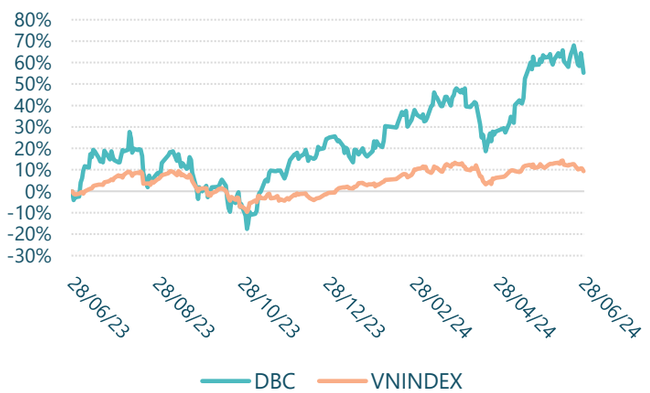

Doanh thu thuần

Q2/24

3,185

tỷ VNĐ

QoQ: ▼68.0 | -2.1%

YoY: ▼288 | -8.3%

Nợ/VCSH

Q2/24

173%

YoY: +/-▲ 8.8%

LN gộp

Q2/24

431

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 82.0 | 23.4%

YoY: ▼231 | -35.0%

ROE (TTM)

Q2/24

5.0%

YoY: +/-▼ 4.3%

LN trước thuế

Q2/24

157

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 57.6 | 58.2%

YoY: ▼213 | -57.5%

ROA (TTM)

Q2/24

1.8%

YoY: +/-▼ 1.6%

Kết quả kinh doanh Q2/24

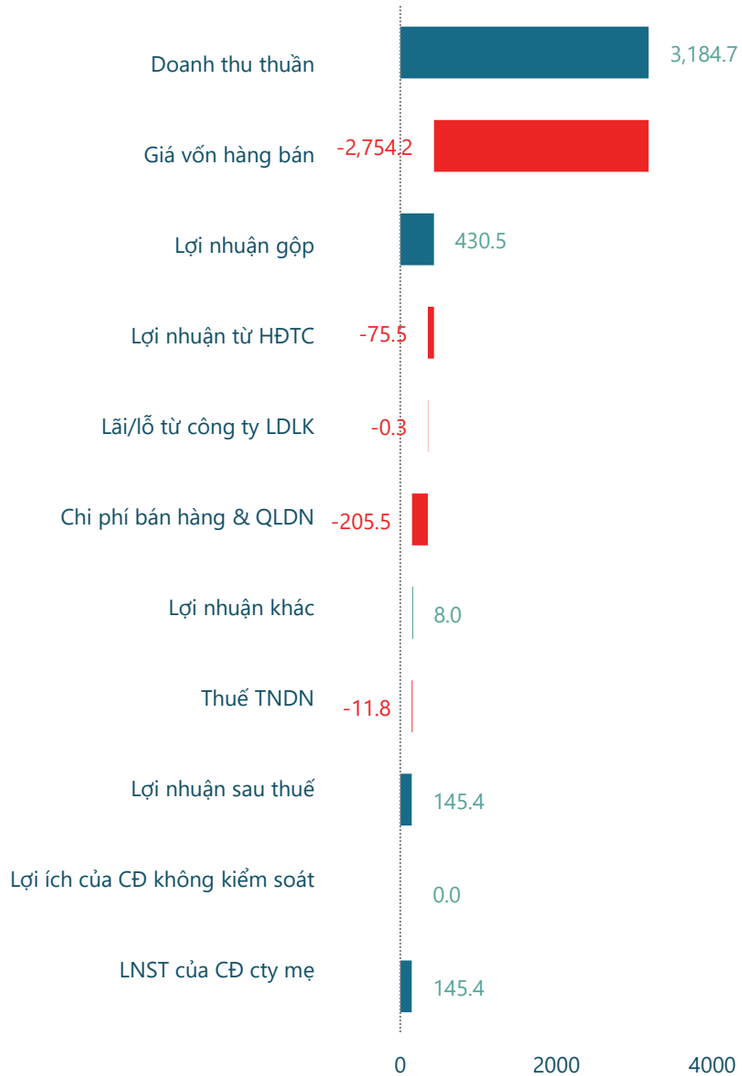

Kết quả kinh doanh

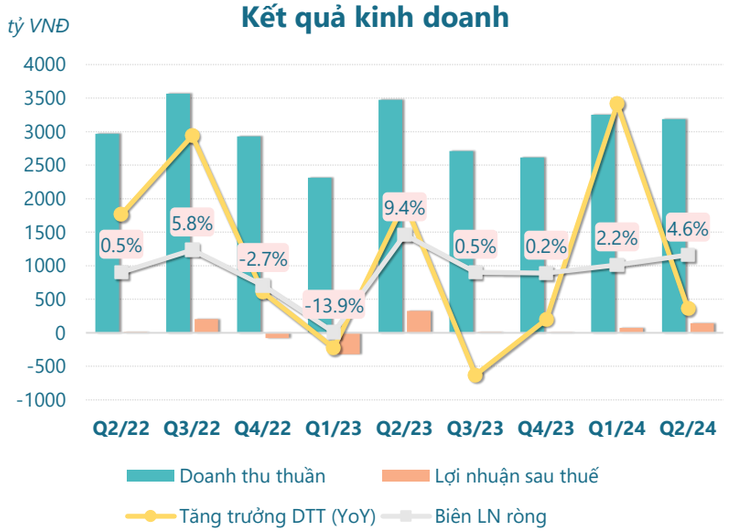

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 149.3 tỷ đồng**, tăng thêm 52.0% so với kỳ trước và thấp hơn 59.6% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 75.49 tỷ đồng** giảm đi 31.78 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 16.15 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 7.96 tỷ đồng**, tăng thêm 547% so với kỳ trước và cao hơn 651% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí

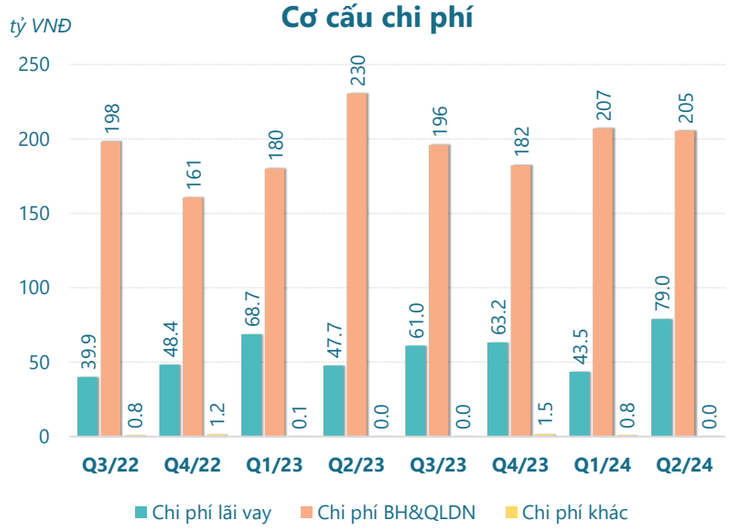

Kết quả kinh doanh của **DBC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **3,185 tỷ đồng** giảm đi **8.30%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 145.4 tỷ đồng**, **giảm sút 55.5%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **6,437 tỷ đồng** cao hơn 11.2% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 218.0 tỷ đồng** cao hơn 3533% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

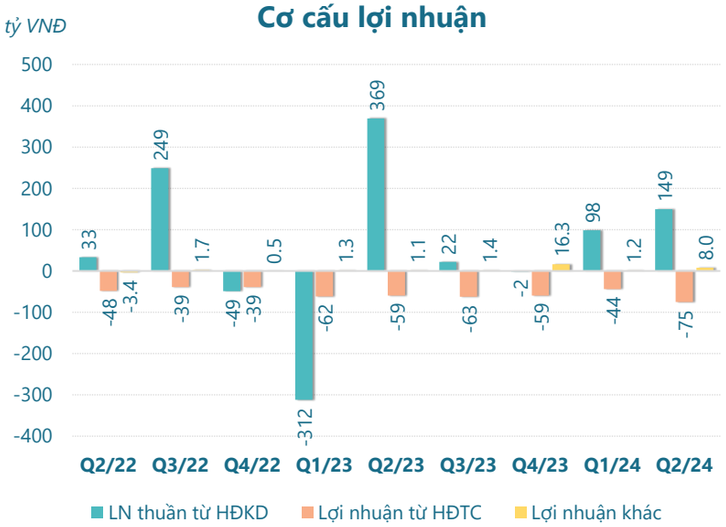

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **79.05 tỷ đồng** tăng thêm 81.6% so với kỳ trước và cao hơn 65.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **205.5 tỷ đồng** giảm đi 0.73% so với kỳ trước và thấp hơn 10.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.02 tỷ đồng** giảm đi 97.5% so với kỳ trước và thấp hơn 33.3% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HSX: DBC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,185**	**3,253**	**-2.1%**	**3,473**	**-8.3%**	**6,437**	**5,787**	**11.2%**
Giá vốn hàng bán	2,754	2,904	-5.2%	2,811	-2.0%	5,658	5,195	8.9%
Lợi nhuận gộp	431	349	23.4%	662	-35.0%	779	592	31.7%
Doanh thu HĐTC	4.72	7.14	-33.9%	11.8	-60.0%	11.9	19.8	-40.2%
Chi phí TC	80.2	50.9	57.6%	71.2	12.6%	131	141	-6.9%
Chi phí lãi vay	79.0	43.5	81.7%	47.7	65.7%	123	116	5.3%
LN trong công ty LKLD	**-0.32**	**0.00**		**-3.06**	**89.5%**	**-0.32**	**-3.06**	**89.5%**
Chi phí bán hàng	111	110	1.3%	150	-25.7%	222	247	-10.3%
Chi phí QLDN	**94.0**	**96.7**	**-2.8%**	**80.9**	**16.2%**	**191**	**163**	**16.8%**
LN thuần từ HĐKD	149	98.2	52.0%	369	-59.6%	247	57.2	333%
Lợi nhuận khác	**7.96**	**1.23**	**547%**	**1.06**	**651%**	**9.19**	**2.32**	**295%**
LN trước thuế	157	99.4	58.2%	370	-57.5%	257	59.5	331%
Lợi nhuận sau thuế	**145**	**72.6**	**100%**	**327**	**-55.5%**	**218**	**6.09**	**3479%**
LNST của CĐ cty mẹ	**145**	**72.6**	**100%**	**327**	**-55.5%**	**218**	**6.09**	**3479%**

